

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2023/HC-PT

Ngày: 13/9/2023.

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm

bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 76/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31118/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Tạ Thị N - sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 39 thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện E: ông Ngô Văn T. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện E (theo văn bản uỷ quyền số 05/UQ-UBND ngày 19/10/2022). Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Trần Thị Kim L. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Phạm B. Chức vụ: Quyền Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai huyện E. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hà Thị T2.

Địa chỉ: thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lưu Thị Thu H1 (theo văn bản uỷ quyền ngày 28/4/2023).

Địa chỉ: buôn P1, phường T3, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Người kháng cáo: người bị kiện UBND huyện E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Tạ Thị N trình bày:**

Năm 2006, gia đình bà và gia đình ông Phạm Văn B2 xảy ra tranh chấp đất đai đối với diện tích 500m² đất tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vụ việc tranh chấp đất đai được UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết bằng Quyết định số 2541/QĐ-UBND và ngày 14/6/2010 UBND huyện E đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích 424m² cho bà Tạ Thị N, địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, UBND huyện E sau đó đã ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 đã cấp gia đình bà mà không thông B2o cho gia đình bà biết.

Sau đó, bà có đơn đề nghị UBND huyện xem xét, giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai. Ngày 14/10/2013, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2207/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện E, công nhận quyền sử dụng thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C cho hộ bà N. UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết lần 2 vẫn quyết định giữ nguyên nội dung Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E. Bà T2 khởi kiện.

Ngày 28/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Bản án số 18/2015/HC-PT về việc kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai. Hủy bỏ quyết định Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Tạ Thị N, ông Nguyễn Phương Th với hộ ông Phạm Văn B2, bà Hà Thị T2.

Ngày 24/11/2016, UBND huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND về việc công nhận, cấp GCNQSD đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 01, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 05/01/2017, UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 192082 (số vào sổ cấp GCN: CH 03731) đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C cho bà Hà Thị T2.

Bà N khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc công nhận, cấp GCNQSD đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E;

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH-03731 ngày 05/01/2017 của UBND huyện E cấp cho bà Hà Thị T2 đối với thửa đất số 497, tờ bản đồ số 16, diện tích 473m², địa chỉ thửa đất: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Hủy Công văn số 352/UBND-TMNT ngày 16/3/2022 của UBND huyện E về việc trả lời đơn của bà Tạ Thị N.

4. Đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND huyện E trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C của gia đình bà. Tuy nhiên, quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N đã rút yêu cầu này.

*** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện E: ông Ngô Văn T - Phó Chủ tịch UBND huyện, trình bày:**

1. Đối với việc yêu cầu hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc công nhận, cấp Giấy quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 03731 cấp ngày 05/01/2017 cho bà Hà Thị T2, UBND huyện có ý kiến như sau:

Năm 2006, gia đình bà N và gia đình ông B2 xảy ra tranh chấp đất đai đối với diện tích 500m² đất tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vụ việc này đã được UBND huyện E giải quyết tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 về việc giải quyết tranh chấp 500m² đất tại thôn 1, xã C giữa ông B2 và bà N. Theo đó, UBND huyện E không thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình bà N và gia đình ông B2.

Không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của UBND huyện E, bà N đã có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông B2 gửi đến UBND tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lần 2 theo đúng quy định.

Sau khi kiểm tra, xác minh nội dung đơn, ngày 09/10/2007, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N với ông B2. Theo đó, UBND tỉnh chấp nhận đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của bà N với ông B2. Giao cho UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại thôn 1, xã C, huyện E cho gia đình bà N theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Điều 2 của Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 UBND huyện E đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích

424m² cho bà N, địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, ngày 04/7/2012, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1419/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N với ông Bá ở thôn 1, xã C, huyện E. Theo đó, UBND tỉnh Đắk Lắk quyết định:

+ Hủy bỏ giá trị pháp lý của Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 và giao cho UBND huyện E ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định 1451/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà Tạ Thị N, tạm trú tại: tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn E để giải quyết lại theo đúng trình tự giải quyết lần đầu.

+ Giao UBND huyện E chỉ đạo UBND xã C thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục quy định tại Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai để giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai giữa hộ ông B2 với hộ bà N theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1419/QĐ-UBND, UBND huyện E đã ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 đã cấp cho bà N đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C.

Đồng thời, chỉ đạo UBND xã C thực hiện hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ ông B2 với hộ bà N theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

UBND xã C đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 về việc thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai và tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định. Kết quả hòa giải không thành.

Ngày 24/12/2012, bà N có đơn đề nghị UBND huyện xem xét, giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bà N với hộ ông B2 lại từ đầu theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nhận được đơn đề nghị của bà N, UBND huyện E đã chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh và tham mưu giải quyết theo quy định. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh đơn tranh chấp đất đai giữa hộ bà N với hộ ông B2 của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 49/BC-TNMT ngày 26/6/2013, thì ngày 14/10/2013, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2207/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà N với hộ ông B2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, UBND huyện E công nhận quyền sử dụng thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C cho hộ bà N.

Không đồng ý với quyết định giải quyết của UBND huyện tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, hộ ông B2 đã có đơn gửi đến UBND tỉnh Đắk Lắk để được giải quyết tranh chấp đất đai lần 2. Sau khi xem xét, kiểm tra, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông B2 với hộ bà N, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, UBND tỉnh Đắk Lắk quyết định giữ nguyên nội dung Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E.

Năm 2014, bà Hà Thị T2 (vợ ông Phạm Văn B2) khởi kiện Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện E tại Tòa án nhân dân huyện E. Đơn khởi kiện của bà T2 đã được TAND huyện E thụ lý tại Văn bản thụ lý số 04/2014/TLST-HC ngày 23/10/2014.

Ngày 16/7/2015, TAND huyện E ban hành Bản án số 01/2015/HCST xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T2 về khiếu kiện Quyết định hành chính số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Tạ Thị N với hộ ông Phạm Văn B2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E. Bà T2 kháng cáo.

Ngày 28/9/2015, TAND tỉnh Đắk Lắk ban hành Bản án số 18/2015/HC-PT về việc kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai. Theo đó, TAND tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Hà Thị T2 (vợ ông Phạm Văn B2); đồng thời hủy bỏ quyết định Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Tạ Thị N, ông Nguyễn Phương Th với hộ ông Phạm Văn B2, bà Hà Thị T2.

Trên cơ sở kết quả giải quyết tại Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk, ngày 01/9/2016 bà T2 có đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích là 473m². Nguồn gốc là do bà T2 lấn chiếm đất của lâm trường Chư Mlan năm 1993, đến năm 2003 thì xảy ra tranh chấp. Hiện nay, đã được TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015.

Sau khi nhận được đơn kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất của bà T2 đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C, UBND xã C đã kiểm tra hồ sơ và xác nhận vào đơn đăng ký cấp GCNQSD đất của bà T2 ngày 24/9/2016; chuyển hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất của bà T2 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E để giải quyết theo quy định.

Nhận được hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất của bà T2 do UBND xã C chuyển đến, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E kiểm tra hồ sơ địa chính, xác nhận bà T2 đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 3 Điều 100

Luật Đất đai năm 2013. Ngày 14/10/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E xác nhận vào đơn đăng ký cấp GCNQSD đất của bà T2 và chuyển hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất của bà T2 đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra và tham mưu UBND huyện E cấp GCNQSD đất cho bà T2 theo quy định.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ và đề nghị cấp GCNQSD đất cho Thương đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C tại Tờ trình số 234/TTr-TNMT ngày 23/11/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 24/11/2016, UBND huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND về việc công nhận, cấp GCNQSD đất cho bà T2, trú tại thôn 01, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 05/01/2017, UBND huyện E cấp GCNQSD đất số CD 192082 (số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 03731) đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 01, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/6/2021, bà N có đơn đề nghị UBND huyện E hủy bỏ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện E về việc công nhận, cấp Giấy quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nội dung đơn đề nghị nêu trên (đơn đề ngày 10/6/2021) của bà N đã được UBND huyện E kiểm tra, xác minh và trả lời tại Công văn số 1475/UBND-TNMT ngày 27/8/2021. Theo đó, qua kiểm tra hồ sơ thì tại Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk có thể hiện nội dung theo kết quả xác minh ngày 15/10/2020 thì bà N công nhận là đã biết việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc công nhận, cấp GCNQSD đất cho bà T2.

Từ nội dung và diễn biến vụ việc nêu trên, UBND huyện E nhận thấy: việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc công nhận, cấp Giấy quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CD 192082 (số vào sổ cấp GCN: CH 03731) đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C cho bà T2 là thực hiện theo đúng kết quả giải quyết của TAND tỉnh Đắk Lắk tại Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015 về việc “kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”. Bên cạnh đó, quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 đối với thửa đất số 497 tờ bản đồ số 16 xã C đã được các cơ quan chức năng tiếp nhận và giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định.

Mặt khác, theo kết quả xác minh ngày 15/10/2020 (thể hiện tại Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk) thì bà N công nhận là đã biết việc UBND huyện ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị T2, trú

tại thôn 1, xã C, huyện E.

Như vậy, từ khi biết được việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 (ngày 15/10/2020) đến nay bà N mới có đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện E là không có cơ sở để giải quyết, vì nội dung khởi kiện nêu trên của bà N đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Do đó, đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện nêu trên của bà Tạ Thị N.

2. Đối với việc yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C của gia đình bà, thì UBND huyện có ý kiến như sau:

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà N và gia đình ông B2 có xảy ra tranh chấp đất đai. Vụ việc đã được UBND huyện E giải quyết lần đầu tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 và được UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết lần 2 tại Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007.

Theo đó, UBND tỉnh Đắk Lắk đã giao UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N theo quy định của Luật Đất đai hiện hành (cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C). Việc UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N là thực hiện theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Điều 2 Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 và quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai 2003.

Tuy nhiên, ngày 04/7/2012, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1419/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Tạ Thị N với ông Phạm Văn B2 ở thôn 01, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, UBND tỉnh Đắk Lắk quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 và giao cho UBND huyện E ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định 1451/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà Tạ Thị N, tạm trú tại: tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn E, huyện E để giải quyết lại theo đúng trình tự giải quyết lần đầu.

Việc UBND tỉnh Đắk Lắk hủy bỏ giá trị pháp lý của Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 là hủy bỏ toàn bộ nội dung đã được nêu trong Quyết định số 2541/QĐ-UBND, trong đó có nội dung về việc cấp GCNQSD đất đã cấp cho bà Tạ Thị N đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích 424m² (được quy định tại Điều 2 của Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 04/7/2012, UBND huyện E đã ban hành Quyết định số

1499/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 cho bà Tạ Thị N đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích 424m²) và Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc huỷ bỏ Quyết định 1451/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà N, tạm trú tại: tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn E, huyện E.

Việc UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 cho bà N là thực hiện theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 04/7/2012.

Mặt khác, theo Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk về việc kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai thì TAND tỉnh Đắk Lắk quyết định huỷ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện E về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Tạ Thị N, ông Nguyễn Phương Th với hộ ông Phạm Văn B2, bà Hà Thị T2. Như vậy, đối với nội dung về việc UBND huyện E công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C là của gia đình bà Tạ Thị N có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của hộ ông Phạm Văn B2 tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 đã được TAND tỉnh Đắk Lắk huỷ bỏ tại Bản án số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015. Một trong những căn cứ để TAND tỉnh Đắk Lắk huỷ nội dung Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện E đó là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn B2 (vợ là bà Hà Thị T2) và ông Nguyễn Phương Th (chồng bà Tạ Thị N) vô hiệu về cả hình thức và nội dung theo quy định của Bộ Luật Dân sự, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Từ nội dung và diễn biến vụ việc nêu trên, UBND huyện E nhận thấy: việc bà N yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C của gia đình bà là không có cơ sở giải quyết vì: căn cứ quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; căn cứ khoản 18 Điều 18 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và khoản 20 Điều 6 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 cho bà N đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích 424m² đã bị thu hồi theo Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND huyện E và sẽ được cơ quan chức năng lưu giữ, quản lý theo quy định.

Do đó, đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện nêu trên của bà Tạ Thị N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không gửi bản tự khai cũng như tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2023/HC-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 157, Điều 108, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 100, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N.

- Hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện E về việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03731 ngày 05/11/2017 của UBND huyện E cấp cho bà Hà Thị T2 đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 16, diện tích 473m², địa chỉ thửa đất: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy Công văn số 352/UBND-TMNT ngày 16/5/2022 của UBND huyện E về việc trả lời nội dung đơn của bà Tạ Thị N, thôn 4, xã C, huyện E.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc: đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND huyện E trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C của gia đình bà Tạ Thị N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông B2o quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/4/2023, người bị kiện UBND huyện E kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà Tạ Thị N.

Ngày 17/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lưu Thị Thu H1 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện UBND huyện E và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2 đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà Tạ Thị N; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Năm 2006, gia đình bà Tạ Thị N và gia đình ông Phạm Văn B2 xảy ra tranh chấp đất đai đối với diện tích 500m² đất tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện E giải quyết tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 17/10/2006. Sau đó, Quyết định này bị khiếu nại nên ngày 09/10/2007, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N với ông B2. Theo đó, UBND tỉnh chấp nhận đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của bà N, giao cho UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại thôn 1, xã C, huyện E cho gia đình bà N theo quy định. Ngày 14/6/2010, UBND huyện E đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 817404 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C, diện tích 424m² tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho bà N. Tuy nhiên, ngày 04/7/2012, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1419/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh để giải quyết lại vụ việc tranh chấp đất đai theo trình tự giải quyết lần đầu. Ủy ban nhân dân huyện E đã ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 đã cấp cho bà N đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C.

[2.2] Quá trình giải quyết lại tranh chấp đất đai: ngày 24/12/2012, bà N có đơn đề nghị UBND huyện E xem xét, giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bà với hộ ông B2 lại từ đầu theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 14/10/2013, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 2207/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà N với hộ ông B2. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện E đã công nhận quyền sử dụng thửa đất số 479, tờ bản đồ số 16 xã C cho hộ bà N. Sau đó, hộ ông B2 khiếu nại quyết định này. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 20/5/2014, quyết định giữ nguyên nội dung Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch

UBND huyện E. Năm 2014, bà Hà Thị T2 (vợ ông Phạm Văn B2) khởi kiện Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E tại TAND huyện E. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 16/7/2015, TAND huyện E quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà T2. Bà T2 kháng cáo. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015, TAND tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của bà T2, hủy bỏ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà N, ông Th với hộ ông B2, bà T2. Ngày 24/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND về việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2. Ngày 05/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 192082 đối với thửa đất số 497, tờ bản đồ số 16 tại xã C cho bà T2.

[3] Xét căn cứ để ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện E, Quyết định này căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Hội đồng xét xử thấy rằng: năm 2000, bà N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà T2. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình bà N đã làm nhà ở, sử dụng liên tục và đăng ký nhân khẩu thường trú tại đây. Năm 2006, các bên xảy ra tranh chấp từ đó cho đến nay, từ thời điểm các bên tranh chấp thì trên đất vẫn còn công trình xây dựng của bà N. Như vậy, không có căn cứ cho rằng bà T2 có quá trình sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và việc sử dụng đất của gia đình bà T2 cũng không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai. Mặt khác, đến thời điểm UBND huyện E cấp giấy chứng nhận cho bà T2 thì vụ việc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, đất vẫn còn đang tranh chấp. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện E trình bày rằng đã căn cứ vào khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai để công nhận, cấp giấy chứng nhận cho bà T2 nhưng Bản án hành chính phúc thẩm số 18/2015/HC-PT ngày 28/9/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk chỉ quyết định hủy bỏ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện E. Bản án này không giải quyết và quyết định về quyền sử dụng đất thuộc về hộ ông B2, bà T2 hay thuộc về hộ bà N. Sau khi xét xử phúc thẩm thì bà N tiếp tục khiếu nại. Như vậy, việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 là không đúng quy định tại Điều 100, khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 192082 ngày 05/01/2017 của UBND huyện E cấp cho bà T2 đối với thửa đất số 497, tờ bản đồ số 16, diện tích 473m² tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; hủy Công văn số 352/UBND-TMNT ngày 16/3/2022 của UBND huyện E về việc trả lời nội dung đơn của bà N là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Lưu Thị Thu H1 xuất trình tài liệu cho rằng thửa đất 497 bà T2 đã xin nhập thửa, tách thửa và đã chuyển nhượng cho những người khác. Xét tài liệu này không liên quan đến yêu cầu khiếu kiện nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND huyện E và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2; chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên UBND huyện E và bà T2 phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T2; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 100, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc:

- Hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện E về việc công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị T2, trú tại thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 192082 (số vào sổ cấp GCN: CH 03731) ngày 05/01/2017 của UBND huyện E cấp cho bà Hà Thị T2 đối

với thửa đất số 497, tờ bản đồ số 16, diện tích 473m², địa chỉ thửa đất: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Hội Công văn số 352/UBND-TMNT ngày 16/3/2022 của UBND huyện E về việc trả lời nội dung đơn của bà Tạ Thị N, thôn 4, xã C, huyện E.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị N về việc: đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND huyện E trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 817404 cấp ngày 14/6/2010 đối với thửa đất số 479 tờ bản đồ số 16 xã C của gia đình bà Tạ Thị N.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện E và bà Hà Thị T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001582 ngày 18/4/2023 và số 0001580 ngày 17/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên